

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án hình sự sơ thẩm
Số: 21/2019/HSST
Ngày: 20/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Quốc và ông Nguyễn Bảo Toàn – Phó Hiệu trưởng trường THPT Lê Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Hồng P – sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Hùng S – sinh năm 1967 và bà: Nguyễn Thị C – sinh năm 1967; tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/02/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác ở Nhà tạm giữ Công an thị xã Sông Cầu, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tiến V – sinh ngày 06/8/2001; nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N – sinh năm 1968 (chết) và bà: Lưu Thị M – sinh năm 1969; tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/02/2019, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu khởi tố về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Ngọc Đ – sinh ngày 13/10/2001; nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: thợ nhôm; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1968 và bà: Phan Thị L – sinh năm 1969; tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm, tuyên phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ, đang chấp hành án (ngày bắt đầu thi hành án 04/7/2019). Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Tiến V:** Ông N, Luật sư – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ:** Ông Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1968; bà Phan Thị L – sinh năm 1969; cùng trú tại: khu phố D, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (là cha, mẹ ruột). Có mặt.

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tiến V:** Bà Lưu Thị M – sinh năm 1969; trú tại: khu phố D, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (là mẹ ruột). Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Chị Phan Thị Kim T – sinh năm 1985; Vắng mặt.
Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Chị Lại Thị N - sinh năm 1969; Có mặt.
Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Chị Võ Thị T – sinh năm 1987; Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

4. Anh Nguyễn Anh Quế A – sinh năm 1988; Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

5. Chị Ngô Thị Thu T – sinh năm 1975; Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

6. Anh Nguyễn Minh L – sinh năm 1978; Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

7. Anh Nguyễn Huy C – sinh năm 1989; Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Em Trương Anh T – sinh năm 2002; Người giám hộ: Ông Trương Văn H (cha ruột), Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 10/02/2019, Đỗ Hồng P đi bộ để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực Quảng trường huyện Đ thuộc khu phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên thì thấy xe mô tô nhãn hiệu TD 100W, biển số 47F9-21XX của Phan Thị Kim T không có người canh giữ và có gắn chìa khóa trên xe, nên P đến mở khóa, nổ máy xe điều khiển chạy về hướng thành phố T. Khi đến đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên thì xe hết xăng nên P bỏ lại bên lề đường, rồi đi bộ về nhà.

Quá trình điều tra Phát khai nhận, trong thời gian từ ngày 27/6/2018 đến ngày 06/02/2019, trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Phú Yên, P cùng Nguyễn Ngọc Đ và Nguyễn Tiến V đã thực hiện 06 vụ trộm cắp, trong đó V tham gia 03 vụ, Đ tham gia 01 vụ, cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 27/6/2018, P, Đ ngủ tại nhà V thì V rủ P, Đ đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì P, Đ đồng ý. Sau đó, P, Đ, V đi bộ đến nhà Lại Thị N ở khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên thấy xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 78H8-01XX của N đang dựng trong sân nhà. V, Đ đứng ngoài cánh giới. P vào sân lấy trộm xe mô tô đem về nhà V cất giấu. Đến 05 giờ cùng ngày, P, V đem xe mô tô trộm cắp được đến xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa bán cho một người đàn ông (không xác định lai lịch) được 500.000 đồng. P, V chia nhau tiêu xài

Vụ 2, 3: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/6/2018, P, V thống nhất cùng nhau đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi P điều khiển xe mô tô biển số 78B1-033.XX chở V đến đoạn đường thuộc thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên thì thấy xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu Tianma (không xác định biển số) của Võ Thị T đang dựng bên lề đường không có người trông giữ, nên P dừng xe và đứng cánh giới còn V đến lấy trộm xe mô tô của T đem về nhà V ở Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ cất giấu. Sau đó, P tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 78B1-033.XX chở V đến khu vực X thuộc thôn T, xã H, huyện Đ thì thấy xe mô tô nhãn hiệu NASSZA, biển số 78M1-37XX của Nguyễn Anh Quế A không có người trông giữ nên P dừng xe đứng cánh giới còn V đến lấy trộm xe mô tô biển số 78M1-37XX đem về nhà V cất giấu. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 01/7/2018 P, V rủ Đ đem 02 xe mô tô trộm cắp được vào xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa bán lấy tiền tiêu xài. Tuy nhiên trên đường đi đến thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên thì 02 xe mô tô trộm cắp được hư hỏng nên P, V,

Đ đem xe mô tô biển số 78M1-37XX cất giấu bên lề đường, đem xe mô tô nhãn hiệu Tianma đến tiệm sửa xe của Huỳnh Anh D ở thôn H, xã H để sửa chữa. Sau đó, P, V, Đ đi về. Ngày 02/7/2018, P đến lấy xe mô tô nhãn hiệu Tianma đem vào xã Đ, huyện V bán cho một người đàn ông (không xác định lai lịch) được 400.000 đồng, P tiêu xài toàn bộ số tiền này.

Vụ 4: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 26/12/2018, P đi bộ trên đường Quốc lộ 1A để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến đoạn đường thuộc thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, thì thấy xe mô tô nhãn hiệu DRIN, biển số 78F7-55XX của Ngô Thị Thu T dựng bên lề đường không có người trông giữ. P đến lấy trộm xe rồi điều khiển xe đến xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa bán cho một người đàn ông (không xác định lai lịch) được 600.000 đồng, P tiêu xài cá nhân.

Vụ 5: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/02/2019, P đi bộ để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực chợ N thuộc thôn N, xã H, huyện Đ thì thấy xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, biển số 78H2-97XX của Nguyễn Minh L, không có người trông giữ nên P đến lấy trộm rồi điều khiển xe về hướng thành phố T, tỉnh Phú Yên tìm người bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến khu phố A phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, P thấy giống xe của người thân nên bỏ lại bên lề đường, rồi đi về nhà.

Vụ 6: Khoảng 23 giờ ngày 06/02/2019, P đi bộ để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực cổng thôn N, xã H, huyện Đ, thì thấy xe mô tô nhãn hiệu Tianma, biển số 78H6-90XX của Nguyễn Huy C, không có người canh giữ nên P lấy trộm rồi điều khiển xe đến khu phố P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, P cất giấu xe bên lề đường rồi tiếp tục đi tìm xe trộm cắp.

Theo bản kết luận giá trị tài sản số 09 ngày 18/02/2019, số 14 ngày 06/3/2019, số 28 ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện Đông Hòa kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ án, các xe mô tô có giá trị như sau:

- Xe mô tô nhãn hiệu TD100W, biển số 47F9-21XX, vụ trộm ngày 10/02/2019 có giá 3.600.000 đồng;
- Xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 78H8-01XX, vụ trộm ngày 27/6/2018 có giá trị 2.400.000 đồng;
- Xe mô tô kiểu dáng DREAM, nhãn hiệu TIANMA, vụ trộm ngày 30/6/2018 có giá trị 850.000 đồng;
- Xe mô tô nhãn hiệu NASSZA, biển số 78M1-37XX, vụ trộm ngày 30/12/2018 có giá 1.000.000 đồng;
- Xe mô tô nhãn hiệu DRIN, biển số 78F7-55XX, vụ trộm ngày 26/12/2018 có giá 1.300.000 đồng;

- Xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, biển số 78H2-97XX, vụ trộm ngày 06/02/2019 có giá 2.200.000 đồng;

- Xe mô tô nhãn hiệu TIANMA, biển số 78H6-90XX, vụ trộm ngày 06/02/2019 có giá 1.900.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- Các xe mô tô biển số 47F9-2178; 78H6-90XX; 78H2-97XX đã trả lại cho chủ sở hữu;

- Các xe mô tô biển số 78H8-01XX; 78F7-55XX, 78M1-37XX và xe mô tô nhãn hiệu Tianma không thu giữ được.

Về dân sự:

Các bị hại Phan Thị Kim T, Nguyễn Minh L, Nguyễn Huy C, đã nhận lại xe mô tô nên không yêu cầu gì về dân sự.

Bị hại Võ Thị T không yêu cầu bồi thường do giá trị xe thấp, Nguyễn Anh Quế A yêu cầu bồi thường 1.000.000 đồng, Lại Thị N đã nhận 1.200.000 đồng tiếp tục yêu cầu bồi thường 1.200.000 đồng, Ngô Thị Thu T yêu cầu bồi thường 1.300.000 đồng.

Bị cáo V đã bồi thường cho bị hại N 1.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSĐH ngày 09/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà truy tố các bị cáo Đỗ Hồng P, Nguyễn Tiến V, Nguyễn Ngọc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin Tòa xử mức án thấp, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Trong thời gian từ ngày 27/6/2018 đến ngày 10/2/2019, trên địa bàn huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, Đỗ Hồng P, Nguyễn Tiến V, Nguyễn Ngọc Đ đã thực hiện các vụ trộm cắp, như sau: P thực hiện 07 vụ lấy trộm 07 xe mô tô các loại của Lại Thị N, Võ Thị T, Nguyễn Anh Quế A, Ngô Thị Thu T, Nguyễn Minh L, Nguyễn Huy C, Phan Thị Kim T, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 13.250.000 đồng; trong các ngày 27/6/2018, ngày 30/6/2018, Nguyễn Tiến V cùng P thực hiện 03 vụ trộm cắp, lấy trộm 03 xe mô tô các loại của Lại Thị N, Võ Thị T, Nguyễn Anh Quế A tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.250.000 đồng; ngày 27/6/2018 Nguyễn Ngọc Đ cùng P, V thực hiện 01 vụ trộm cắp, lấy trộm 01 xe mô tô của Lại Thị N, giá trị tài sản là 2.400.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ

luật hình sự đối với các bị cáo; Áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V; Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V, Đ, xử phạt bị cáo Đỗ Hồng P từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến V từ 03 đến 06 tháng tù; xử phạt Nguyễn Ngọc Đ từ 03 đến 06 tháng tù; Áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa để buộc bị cáo Đ chấp hành hình phạt chung theo quy định.

Về dân sự: Các bị hại Phan Thị Kim T, Nguyễn Minh L, Nguyễn Huy C, đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu gì về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Bị hại Võ Thị T không yêu cầu bồi thường do giá trị xe thấp, Nguyễn Anh Quế A yêu cầu bồi thường 1.000.000 đồng, Lại Thị N đã nhận 1.200.000 đồng tiếp tục yêu cầu bồi thường 1.200.000 đồng, Ngô Thị Thu T yêu cầu bồi thường 1.300.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo P, Đ tiếp tục bồi thường cho các bị hại N, T, Quế A.

Vật chứng vụ án: Các xe mô tô biển số 47F9-21XX; 78H6-90XX; 78H2-97XX đã trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo không khiếu nại gì đối với các quyết định, văn bản tố tụng ở giai đoạn điều tra nên đều là chứng cứ hợp pháp.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 27/6/2018 đến ngày 10/2/2019, trên địa bàn huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, Đỗ Hồng P, Nguyễn Tiến V, Nguyễn Ngọc Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt nhiều xe mô tô của người dân, cụ thể: P thực hiện 07 vụ chiếm đoạt 07 xe mô tô các loại của Lại Thị N, Võ Thị T, Nguyễn Anh Quế A, Ngô Thị Thu T, Nguyễn Minh L, Nguyễn Huy C, Phan Thị Kim T, tổng giá trị tài sản P chiếm đoạt là 13.250.000 đồng; trong các ngày 27/6/2018,

ngày 30/6/2018, Nguyễn Tiến V cùng P thực hiện 03 vụ, chiếm đoạt 03 xe mô tô các loại của Lại Thị N, Võ Thị T, Nguyễn Anh Quế A, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.250.000 đồng; ngày 27/6/2018, Nguyễn Ngọc Đ cùng P, V thực hiện 01 vụ, chiếm đoạt 01 xe mô tô của Lại Thị N, giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.400.000 đồng. Với hành vi trên, bị cáo Đỗ Hồng P, Nguyễn Tiến V, Nguyễn Ngọc Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Các bị cáo là thanh niên có đủ sức khỏe nhưng không chịu lao động để có thu nhập chính đáng, hợp pháp mà rủ nhau đi trộm cắp tài sản của người khác, bán lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cụ thể như sau:

[1] Đối với bị cáo Đỗ Hồng P: Tham gia trộm 07 vụ lấy 07 xe mô tô các loại tổng giá trị tài sản trộm cắp 13.250.000 đồng. Trong 07 lần trộm cắp tài sản, có 04 vụ P thực hiện một mình; đồng phạm với V với vai trò giúp sức, cảnh giới thực hiện trộm 02 vụ; đồng phạm với V, Đ với vai trò là người thực hành thực hiện trộm 01 vụ. Bị cáo đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 07 xe mô tô các loại của bà con nhân dân, trong đó có 03 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên hai triệu đồng, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo P phải áp dụng mức án cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, bị cáo đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; ngoài lần bị phát hiện, bị cáo còn tự khai ra những lần trộm cắp trước đó. Tại phiên tòa, bị hại N xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử mức án thấp trong khung hình phạt vừa có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm vừa tạo điều kiện để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng.

[2] Đối với bị cáo Nguyễn Tiến V: Tham gia trộm 03 vụ lấy trộm 03 xe mô tô các loại tổng giá trị tài sản trộm cắp 4.250.000 đồng. V đồng phạm với vai trò vừa là người khởi xướng rủ P, Đ tham gia, vừa là người thực hành. Trong ba lần trộm cắp chỉ có một lần giá trị tài sản trên hai triệu đồng đủ cấu thành tội phạm nên không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu vào ngày 27/6/2019 lúc bị cáo được 16 tuổi 10 tháng 21 ngày (ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18

tuổi). Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 101 Bộ luật hình sự, xử mức án không quá ba phần tư mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo V còn bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu khởi tố điều tra về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó, không chấp nhận ý kiến của Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và cho bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ mà cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, để đảm bảo tác dụng phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, đã bồi thường cho bị hại N 1.200.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại N xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử mức án thấp hơn mức án đối với bị cáo Phát, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng.

[3] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ: Đồng phạm với vai trò giúp sức, cảnh giới, tham gia trộm 01 vụ lấy trộm 01 xe mô tô trị giá 2.400.000 đồng. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 07/6/2018, đã bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử về tội trộm cắp tài sản mà không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội. Do đó, không chấp nhận ý kiến của Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và cho bị cáo hưởng án treo mà cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, để đảm bảo tác dụng phòng ngừa tội phạm. Bị cáo phạm tội vào ngày 27/6/2019 lúc bị cáo được 16 tuổi 08 tháng 14 ngày (ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi). Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 101 Bộ luật hình sự, xử mức án không quá ba phần tư mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn. Tại phiên tòa, bị hại N xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử mức án thấp hơn mức án đối với bị cáo P, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng.

Bị cáo Đ đang chấp hành 06 tháng cải tạo không giam giữ tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, ngày bắt đầu thi hành án 04/7/2019, đến nay chấp hành được 01 tháng 18 ngày, còn phải chấp hành tiếp 04 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp theo quy định 03 ngày cải tạo không giam giữ được tính bằng 01 ngày tù giam đối với phần bị cáo chưa chấp hành để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung. Như vậy, tổng số ngày bị cáo chưa chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 132 ngày, tương ứng với 44 ngày tù giam (bằng 01 tháng 14 ngày).

Về dân sự: Các bị hại Phan Thị Kim T, Nguyễn Minh L, Nguyễn Huy C, đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét. Bị hại Võ Thị T không yêu cầu bồi thường do giá trị xe thấp nên không xét.

Đối với bị hại Nguyễn Anh Quế A yêu cầu bồi thường 1.000.000 đồng, Ngô Thị Thu T yêu cầu bồi thường 1.300.000 đồng, cả hai xe mô tô này đều do P bán tiêu xài một mình nên buộc P bồi thường theo yêu cầu (Nguyễn Anh Quế A 1.000.000 đồng, Ngô Thị Thu T 1.300.000 đồng).

Đối với bị hại Lại Thị N đã nhận 1.200.000 đồng tiếp tục yêu cầu bồi thường 1.200.000 đồng, xe này do P và V bán chia nhau tiêu xài (V 200.000đ, P 200.000 đ, Đ 100.000 đ) nên buộc P, V, Đ liên đới bồi thường, trong đó V đã bồi thường 1.200.000 đồng xong nghĩa vụ nên buộc P và Đ tiếp tục bồi thường cho bà N nốt phần còn lại 1.200.000 đồng (P bồi thường 600.000 đồng, Đ bồi thường 600.000 đồng).

Vật chứng vụ án: Các xe mô tô biển số 47F9-21XX; 78H6-90XX; 78H2-97XX đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xét;

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật. Về án phí dân sự bị cáo Đỗ Hồng P và Nguyễn Ngọc Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Hồng P, Nguyễn Tiến V, Nguyễn Ngọc Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng P 09 (chín) tháng tù**, thời gian tù tính từ bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến V 03 (ba) tháng tù**, thời gian tù tính từ bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ 03 (ba) tháng tù**.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 07/6/2018, của Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ còn phải chấp hành tiếp 04 tháng 12 ngày cải

tạo không giam giữ (quy đổi thành 01 tháng 14 ngày tù), buộc bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** chấp hành hình phạt chung là **04 (Bốn) tháng 14 (Mười bốn) ngày tù**, thời gian tù tính từ bắt thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo **Đỗ Hồng P** bồi thường cho anh Nguyễn Anh Quế A **1.000.000 đ** (*Một triệu đồng*), Bà Ngô Thị Thu T **1.300.000 đ** (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*), Bà Lại Thị N **600.000 đ** (*Sáu trăm nghìn đồng*); Buộc Nguyễn Ngọc Đ bồi thường cho Bà Lại Thị N **600.000 đ** (*Sáu trăm nghìn đồng*).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Đỗ Hồng P, Nguyễn Tiến V, Nguyễn Ngọc Đ mỗi bị cáo phải chịu **200.000đ** (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự: bị cáo Đỗ Hồng P và Nguyễn Ngọc Đ mỗi người phải chịu 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo V, Đ; người bào chữa, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Quốc

Nguyễn Bảo Toàn

Nguyễn Minh Thu

